

Về con: vợ chồng có 01 con chung là Mai Ngọc Cát T, sinh ngày 04/11/2015, hiện tại cháu đang sinh sống cùng chi. Sau ly hôn, chi đề nghị được nuôi cháu T, yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng chị đề nghị 5.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Ngọc T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Anh T cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật; về con chị đề nghị được nuôi cháu T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng là 3.000.000 (Ba triệu đồng)/tháng; về tài sản chị không yêu cầu giải quyết. Đối với bị đơn anh T được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống theo chị L trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hạnh phúc gia đình bị rạn nứt, không thể hàn gắn được. Từ tháng 9/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T theo quy định. Đối với anh T mặc dù biết chị L yêu cầu ly hôn nhưng anh cố tình vắng mặt, không thể hiện quan điểm. Chứng tỏ anh T không có thiện chí để níu kéo tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ. Xét cuộc sống chung của chị L và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L ly hôn anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Ngọc Cát T, sinh ngày 04/11/2015, hiện tại cháu đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng là 3.000.000 (Ba triệu đồng)/tháng.

Xét đề nghị xin được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là chính đáng. Do cháu T còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc cháu, nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L với mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 (Ba triệu đồng)/tháng là cao. Bởi lẽ, anh T cũng là lao động tự do. Chị L trình bày mức thu nhập của anh Tuấn là 20.000.000đ/tháng, nhưng chị Lành không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức thu nhập của anh T. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của cháu T, buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là hoàn toàn phù hợp thực tế.

[3] Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

Anh Mai Ngọc T phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn anh Mai Ngọc T.

2. Về con: Giao cháu Mai Ngọc Cát T, sinh ngày 04/11/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005082 ngày 20/5/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Mai Ngọc T phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này là sơ thẩm. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ